

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-02-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T; ĐKKHKT: Thôn TN, xã TD, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn BĐ, xã TN, huyện TT, tỉnh Thái Bình; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn V; nơi cư trú: Thôn TN, xã TD, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo chị Bùi Thị T trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh Đoàn Văn V kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 24 tháng 12 năm 2014. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thông cảm, tin tưởng nhau, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn V.

2. Về con chung: Chị T và anh Đoàn Văn V có 02 con chung là Đoàn Thị Bảo L, sinh ngày 11-02-2016; Đoàn Quốc K, sinh ngày 18-01-2021. Khi ly hôn, chị T đề nghị Tòa án giao con chung Đoàn Quốc K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đoàn Thị Bảo L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chỉ xin tự thỏa thuận với anh V, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Đoàn Văn V thống nhất với chị Bùi Thị T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Nay chị T có đơn ly hôn với anh, anh V thấy vợ chồng còn tình cảm, nên anh V không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị T; về con chung anh V và chị T có 02 con chung về họ tên, tuổi như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn, anh V đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, anh Đoàn Văn V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: giải quyết chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn V; về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được nuôi dưỡng con chung Đoàn Quốc K, anh Đoàn Văn V được nuôi dưỡng con Đoàn Thị Bảo L đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Bùi Thị T, bị đơn anh Đoàn Văn V: Chị T, anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh V.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị T:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T kết hôn với anh Đoàn Văn V trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 24 tháng 12 năm 2014, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị T và anh V đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, tin tưởng nhau vợ đã ly thân nhau. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị T, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T được ly hôn anh V.

[4] Về con chung: Chị T và anh Đoàn Văn V có 02 con chung là Đoàn Thị Bảo L, sinh ngày 11-02-2016; Đoàn Quốc K, sinh ngày 18-01-2021. Xét thấy cháu L, cháu Kh còn nhỏ, cháu K chưa đủ 03 tuổi; chị T, anh V đều có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T về việc giao cháu Đoàn Quốc K cho chị T, cháu Đoàn Thị Bảo L cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Bùi Thị T, anh Đoàn Quốc Việt không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn V.

2- Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được nuôi dưỡng con chung Đoàn Quốc K, sinh ngày 18-01-2021, anh Đoàn Văn V được nuôi dưỡng con chung Đoàn Thị Bảo L, sinh ngày 11-02-2016 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002130 ngày 26 tháng 11 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, chị T đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Bùi Thị T, anh Đoàn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã TD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

Đinh Duy Việt